Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8522.10.00

Mã HS	8522.10.00
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị của nhóm 85.19 hoặc 85.21 / - Cụm đầu đọc - ghi
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 19:08:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85221000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15454
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15454
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15454
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14767
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14708
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14708
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14708
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14708
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14708
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14708
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14762
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14762

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14762
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14762
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14762
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14762
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14763
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14763
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14763
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14763
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14763
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14763
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14766
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14714
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14722
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14722
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14722
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14722
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14722
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14722
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14753
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14753
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14753
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14753
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14753
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14753
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14808
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14808

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14808
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14808
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14808
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14808
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14787
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14787
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14787
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14787
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14787
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14787
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14785
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14785
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14785
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14785
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14785
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14785
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14800
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14800
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14800
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14800
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14800
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14800
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14799
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14799
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14799
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14799

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14799
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14799
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14792
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14792
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14792
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14792
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14792
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14792
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14792
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14787
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14787
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14787
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14787
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14787
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14787
RCEP B	2022	2022	0	B!D14787
RCEP B	2023	2023	0	B!E14787
RCEP B	2024	2024	0	B!F14787
RCEP B	2025	2025	0	B!G14787
RCEP B	2026	2026	0	B!H14787
RCEP B	2027	2027	0	B!I14787
RCEP C	2022	2022	0	C!D14787
RCEP C	2023	2023	0	C!E14787
RCEP C	2024	2024	0	C!F14787
RCEP C	2025	2025	0	C!G14787
RCEP C	2026	2026	0	C!H14787

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14787
RCEP D	2022	2022	0	D!D14786
RCEP D	2023	2023	0	D!E14786
RCEP D	2024	2024	0	D!F14786
RCEP D	2025	2025	0	D!G14786
RCEP D	2026	2026	0	D!H14786
RCEP D	2027	2027	0	D!I14786
RCEP E	2022	2022	0	E!D14790
RCEP E	2023	2023	0	E!E14790
RCEP E	2024	2024	0	E!F14790
RCEP E	2025	2025	0	E!G14790
RCEP E	2026	2026	0	E!H14790
RCEP E	2027	2027	0	E!I14790
RCEP F	2022	2022	0	F!D14787
RCEP F	2023	2023	0	F!E14787
RCEP F	2024	2024	0	F!F14787
RCEP F	2025	2025	0	F!G14787
RCEP F	2026	2026	0	F!H14787
RCEP F	2027	2027	0	F!I14787
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13768
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13768
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13768
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13768

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8522.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8522.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15454), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.